

**BÁO CÁO**

**sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018  
của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển  
công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Thực hiện đề nghị của Ban Kinh tế Trung ương tại Công văn số 3716-CV/BKTTW ngày 01/8/2023 về xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

**I. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và thể chế hóa việc triển khai thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt Nghị quyết số 23-NQ/TW**

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết số 23-NQ/TW cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh tại Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng.

Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 23-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị bằng nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị, sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đoàn thể... Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao của các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết quả, có trên 95% cán bộ, đảng viên được quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**2. Kết quả công tác thể chế hóa việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của địa phương**

- Sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 23-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 26/3/2019 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX đã nghiên cứu, tiếp thu các quan điểm, chủ trương của Nghị quyết số 23-NQ/TW vào nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XX (Nghị quyết số 01-NQ/ĐH

ngày 22/10/2020), trong đó xác định nhiệm vụ phát triển công nghiệp là nhiệm vụ đột phá. Tỉnh ủy Quảng Ngãi khóa XX đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

- Thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020, Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng triển khai Nghị quyết 23-NQ/TW**

Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao kịp thời xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 của Tỉnh ủy khóa XX phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế, tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết.

## **II. Kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu (theo Chương trình số 37-CTr/TU)**

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP năm 2018 đạt 37,5%, năm 2022 đạt 40,3%. Trong đó, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2018 đạt 36,6%, năm 2022 đạt 39,2%.

- Giá trị gia tăng công nghiệp (theo giá so sánh 2010) năm 2018 đạt 14.069 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2017; năm 2022 đạt 19.258 tỷ đồng, tăng 6,3% so với năm 2021. Bình quân giai đoạn 2018 - 2022 giá trị gia tăng công nghiệp ước đạt 8%/năm.

Giá trị gia tăng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2018 đạt 13.245 tỷ đồng, tăng 14,2% so với năm 2017; năm 2022 đạt 18.330 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2021. Bình quân giai đoạn 2018 - 2022 giá trị gia tăng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 7,8%/năm.

- Lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ năm 2018 đạt 372 nghìn người, chiếm tỷ lệ 50,9% lao động toàn tỉnh, năm 2022 đạt 443 nghìn người, chiếm tỷ lệ 66,7% lao động toàn tỉnh.

### **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 23-NQ/TW**

#### **2.1. Về phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của địa phương**

- Tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phần bổ không gian phát triển công nghiệp trên cơ sở kế thừa và phát huy các quy hoạch đã và đang triển khai thực hiện, theo đó: Không gian công nghiệp tỉnh được phân bố gắn liền với các Phương án phát triển Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp kể cả khu công nghiệp công nghệ cao và các cụm công nghiệp; trong đó, vùng động lực công nghiệp của tỉnh bao gồm: huyện Bình Sơn (Khu kinh tế Dung Quất) và một phần huyện Trà Bồng, một phần huyện Sơn Tịnh là trọng điểm công nghiệp và dịch vụ logistics, dịch vụ hậu cần, cảng biển là khu vực phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các ngành công nghiệp lọc hoá dầu, luyện thép, chế tạo sau thép, năng lượng tái tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến gỗ, các ngành công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hậu cần cảng biển gắn với cảng nước sâu Dung Quất, Cảng hàng không quốc tế Chu Lai, định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển, giao thương hàng hóa quốc tế; đồng thời cơ cấu ngành công nghiệp sẽ từng bước chuyển dịch theo hướng từ các ngành công nghiệp sơ chế, chế biến thô, có giá trị thấp sang phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao.

- Trong phần bổ không gian phát triển công nghiệp, Khu kinh tế Dung Quất luôn là khu vực trọng điểm ưu tiên, Đồ án “điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023, với diện tích khoảng 45.332ha, gồm 05 phân khu chức năng chính: (1) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Bắc Dung Quất; (2) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Châu Ô - Bình Long; (3) Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Nam Dung Quất; (4) Phân khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất; (5) Phân khu đô thị Lý Sơn, tạo không gian phát triển hợp lý, thúc đẩy công nghiệp phát triển mạnh mẽ trong thời gian đến.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 khu công nghiệp đã được thành lập<sup>1</sup>, trong đó có 05 Khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Dung Quất (diện tích khoảng 1.487 ha) và 02 Khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Dung Quất (KCN Quảng Phú, KCN Phở Phong với tổng diện tích khoảng 249,53 ha). Có 24 cụm công nghiệp CCN với diện tích 427 ha, trong đó có 02 cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tích cực, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng hiện nay trong phát triển công nghiệp của tỉnh, ngành chiếm tỷ trọng rất cao (98%) trong cơ cấu ngành công nghiệp, cụ thể:

+ *Ngành công nghiệp lọc hoá dầu* chiếm 40% trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, sản lượng năm 2018 đạt 7,013 triệu tấn, tăng 15% so với năm 2017 và thực hiện năm 2022 đạt 7,033 triệu tấn, tăng 7,9% so với năm 2021.

---

<sup>1</sup> Trong đó, có 03 KCN do doanh nghiệp tư nhân làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

+ *Ngành luyện kim, sản xuất kim loại* phát triển mạnh mẽ kể từ năm 2019, khi Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất với tổng vốn đầu 60.000 tỷ đồng đi vào hoạt động sản xuất, đây cũng là ngành thế mạnh chủ lực hiện nay của tỉnh, chỉ sau ngành lọc hóa dầu; chiếm 25% trong cơ cấu ngành công nghiệp. Theo đó, sản phẩm thép có đóng góp đáng kể vào sự phát triển công nghiệp, kinh tế và kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

+ *Ngành công nghiệp dệt may, da giày* là ngành công nghiệp có lợi thế phát triển, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2018 - 2022 là 25%; các dự án công nghiệp dệt may, da giày chủ yếu tập trung ở Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, Khu công nghiệp Tịnh Phong và một số cụm công nghiệp ở các huyện, thị xã vùng đồng bằng, sản phẩm của ngành phần lớn xuất khẩu; chiếm tỷ trọng 13% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

+ *Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống* là ngành thế mạnh của tỉnh nhờ khai thác tốt lợi thế nguồn nguyên liệu tại chỗ như: Thủy sản, tinh bột mỳ, bánh kẹo, nước khoáng, sữa, bia các loại; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2018 - 2022 khoảng 6,5%/năm, chiếm tỷ trọng 5,4% trong cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp.

+ *Ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị* cũng là ngành chủ lực của tỉnh, sản phẩm chủ yếu là máy móc cơ khí công nghiệp nặng của Công ty Doosan Enerbility Vina và Công ty TNHH hệ thống điện GE ở Khu kinh tế Dung Quất, đây là những sản phẩm thay thế sản phẩm nhập khẩu đồng thời cũng là sản phẩm xuất khẩu chủ lực được xuất sang nhiều nước trên thế giới và mang lại lượng lớn kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh.

+ *Riêng ngành công nghiệp chế biến lâm sản* có tốc độ tăng trưởng âm giai đoạn 2018 - 2022, giảm khoảng 13%/năm. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu nguồn nguyên liệu sản xuất (giá thu mua giảm cùng với diện tích keo đến chu kỳ khai thác không nhiều), bên cạnh đó nhu cầu thị trường xuất khẩu mặt hàng này giảm trong những năm gần đây.

Các nhóm ngành công nghiệp còn lại như: Khai khoáng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt và cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải,... chiếm tỷ trọng nhỏ, khoảng 2% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

## ***2.2. Kết quả xây dựng/triển khai thực hiện chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên và công nghiệp chủ lực tại địa phương, phát triển công nghiệp hỗ trợ***

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ như: Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 với 05 nhóm ngành công nghiệp được lựa chọn; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2022 - 2025; Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ngãi

giai đoạn 2016 - 2020, 2021 - 2025; Chương trình xúc tiến đầu tư vào KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; danh mục các dự án trọng điểm thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 và danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 (đưa vào Quy hoạch tỉnh) để làm cơ sở triển khai thực hiện,...

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ; triển khai cho các doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ tham gia Hội chợ kết nối sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Từ năm 2018, ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 20 tỷ đồng để thực hiện khoảng 20 đề án khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp đầu tư trang thiết bị, dụng cụ quản lý phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm, hỗ trợ đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp chủ lực của tỉnh. Tổ chức 3 đợt bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu với 63 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

Việc kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong thu hút đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh. Từ năm 2018 đến tháng 6/2023, đã thu hút được các dự án có quy mô lớn như: Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa phát Dung Quất 2, dự án Nhà máy sản xuất thép dây cuộn chất lượng cao Hòa Phát Dung Quất, 02 dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, III, dự án Bến cảng tổng hợp - Container Hoà Phát Dung Quất, Nhà máy sản xuất tròng mắt kính HOYA LENS Việt Nam 2 - Dung Quất...

Đối với ngành công nghiệp hỗ trợ và các dự án đầu tư về logistics: Trong thời gian qua, đã thu hút được 05 dự án ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho ngành dệt may - da giày, với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.542 tỷ, giảm dần tình trạng phụ thuộc vào thiết bị, nguyên, phụ liệu nhập khẩu; 03 dự án đầu tư vào lĩnh vực logistics.

### ***2.3. Kết quả xây dựng và triển khai chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp***

- Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đồng thời thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng và triển khai thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, trong đó có dự án phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hàng năm; kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi; nghiêm túc việc niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng các TTHC cũng như phí và lệ phí của từng danh mục TTHC tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và tại trụ sở làm việc của đơn vị, thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn thể

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp làm việc với doanh nghiệp nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương và nêu cao tinh thần đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi phục vụ công dân, doanh nghiệp; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định theo pháp luật, nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng ngân hàng theo định hướng điều hành của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế và lĩnh vực công nghiệp. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Quảng và các ngân hàng thương mại đã chủ động triển khai kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo của Thống đốc NHNN về thực hiện các giải pháp tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và hoạt động ngân hàng. Các tổ chức tín dụng đã tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

Cơ cấu tín dụng sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chiếm 22,07% so với tổng dư nợ toàn địa bàn. Cụ thể đến 31/7/2023, dư nợ cho vay lĩnh vực công nghiệp - xây dựng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 14.065 tỷ đồng, giảm 10,5% so với thời điểm cuối năm 2022.

- Về thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật công nghiệp, sở hữu công nghiệp, bảo vệ sản xuất, người tiêu dùng:

+ Hướng dẫn 06 cơ sở sản xuất xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; 14 tổ chức đăng ký mã số, mã vạch quốc gia; cập nhật thông tin tổ chức, cá nhân áp dụng Mã số mã vạch trên địa bàn tỉnh. Tiếp nhận 16 hồ sơ công bố hợp quy; 26 hồ sơ công bố hợp chuẩn. Tiếp nhận và xác nhận 128 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Tổ chức 08 lớp đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

+ Thực hiện cập nhật 4.765 tin cảnh báo của các nước thành viên WTO trên trang web: [www.epingalert.org](http://www.epingalert.org) để chọn lọc và đăng tải lên Bản tin TBT; 77 QCVN mới ban hành và 01 Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; 92 TCVN mới ban hành và 10 QCVN hủy bỏ; 05 văn bản mới ban hành thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

+ Hướng dẫn 130 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; cho phép sử dụng 21 địa danh để bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc thù, chủ lực của tỉnh. Thực hiện đăng ký chỉ dẫn địa lý Trà Bồng cho các sản phẩm quê, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ; cho phép sử dụng địa danh “Quảng Ngãi” để bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Khám phá Quảng Ngãi”.

+ Tổ chức 06 lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ với hơn 300 lượt người tham gia. Hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới, hàng năm xây dựng trailer và

Landing page giới thiệu chương trình “Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030” để truyền truyền, phổ biến, thực hiện các buổi tọa đàm theo chủ đề của Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới.

+ Có khoảng 534 đơn đăng ký nhãn hiệu, 03 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, 02 đơn đăng ký giải pháp hữu ích nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ; Cục cấp 250 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích; 02 Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2022 về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, qua đó, lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị tích cực thực hiện thực hiện các chủ trương, chính sách của trung ương và của tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

+ Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xây dựng văn hóa khởi nghiệp được tăng cường: Nâng cấp và vận hành hiệu quả Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) tỉnh Quảng Ngãi. Xây dựng 15 phóng sự về các mô hình KNĐMST, 01 chương trình gameshow tự tin, sáng tạo khởi nghiệp... Tổ chức các sự kiện tọa đàm, chia sẻ về KNĐMST; tổ chức 10 buổi chia sẻ, nâng cao nhận thức về KNĐMST ở 10 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công 03 Cuộc thi KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi (*Kết quả: 03 dự án, ý tưởng đạt giải Nhất; 03 dự án, ý tưởng đạt giải Nhì; 04 dự án, ý tưởng đạt giải Ba, 06 dự án, ý tưởng đạt giải Khuyến khích*). Tổ chức Chương trình kết nối với chủ đề “Phát triển doanh nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo”.

+ Tích cực chỉ đạo hỗ trợ và nâng cao năng lực, thúc đẩy môi liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái KNĐMST: Tổ chức 02 đợt học tập kinh nghiệm về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại một số tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, mô hình khởi nghiệp thành công ở Huế, Quảng Bình và các tỉnh Tây Nguyên. Tổ chức các chương trình, hoạt động về KNĐMST (*04 Hội thảo, 01 chuỗi sự kiện, 01 Chương trình café doanh nhân, 01 Ngày hội KNĐMST, 03 đợt tập huấn*). Hỗ trợ cho 18 lượt tổ chức, các nhân tham gia quảng bá và trưng bày sản phẩm tại các ngày hội KNĐMST. Kết nối hỗ trợ cho 03 dự án KNĐMST tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi.

+ Xây dựng và phát triển mạng lưới các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ngày càng được mở rộng: Hình thành 05 câu lạc bộ KNĐMST; Xây dựng được đội ngũ tư vấn KNĐMST gồm 60 cá nhân; Tổ chức 01 lớp tập huấn giới thiệu về KNĐMST, vai trò của cố vấn khởi nghiệp; Thành lập được 01 Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, 01 vườn ươm doanh nhân đổi mới sáng tạo.

- Để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại đã ký kết, triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, xây dựng,

quảng bá thương hiệu sản phẩm phát triển ngoại thương của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, hướng dẫn, cảm nang để triển khai thực hiện như: Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025; Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; xuất bản các ấn phẩm truyền thông, tài liệu liên quan đến công tác hội nhập, hợp tác quốc tế và các cam kết quốc tế (hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về hội nhập và hợp tác quốc tế, tài liệu tổng quan các cam kết chính của Hiệp định EVFTA và Hỏi - đáp về Hiệp định, các FTA trong ASEAN mà Việt Nam tham gia; hợp tác trong ASEAN,...); cảm nang doanh nghiệp "Tổng quan về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình dương và thị trường các nước thành viên CPTPP" để hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu và thực thi hiệu quả Hiệp định này trong quá trình hội nhập, qua đó, kịp thời cập nhật thông tin, kiến thức hữu ích, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### ***2.4. Kết quả xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp tại địa phương***

- Tỉnh đã triển khai thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực có thế mạnh của địa phương nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 28/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Về phát triển doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn khu, cụm công nghiệp: đến nay, thu hút 482 dự án công nghiệp còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư 392 tỷ đồng (trong đó có 59 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký đầu tư khoảng 1,99 tỷ USD), 16 dự án thủy điện với tổng công suất 397 MW, tổng mức đầu tư 14 nghìn tỷ đồng. Có nhiều dự án quy mô lớn đã đi vào hoạt động như: Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Dự án Công nghiệp nặng Doosan Vina, Dự án sản xuất HRSG, các dự án FDI trong KCN VSIP, Thủy điện Đăkba, Thủy điện Đăkđrinh. Các nhà máy này đi vào hoạt động đã giải quyết nhiều việc làm mới cho lao động địa phương, tăng thu ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư sớm triển khai đầu tư các dự án lớn, mang tính lan tỏa như:

(1) Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP II Quảng Ngãi, với quy mô diện tích khoảng 936ha, bao gồm 793ha cho hợp phần Khu Công nghiệp và 143ha cho hợp phần Khu đô thị - Dịch vụ tại các xã Bình Thanh, Bình Phước, Bình Long và Bình Hiệp, huyện Bình Sơn (thuộc quy hoạch KKT

Dung Quát mở rộng). Đề xuất dự án đã được cập nhật vào đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quát, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 và đang tiến hành lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện các thủ tục liên quan (trong đó có thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư).

(2) Dự án Khu Đô thị, Công nghiệp Dung Quát, được Ban Quản lý KKT Dung Quát và các KCN Quảng Ngãi cấp Giấy CNĐKĐT năm 2016; năm 2020, thực hiện điều chỉnh tiến độ dự án và thực hiện bàn giao đất khoảng 99 ha (giai đoạn 1A) để nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo. Hiện nay, Công ty đã trình hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu Khả thi dự án Khu Đô thị, Công nghiệp Dung Quát - Giai đoạn 1A Bộ Xây dựng thẩm định làm cơ sở để xin cấp phép xây dựng và triển khai xây dựng dự án.

(3) Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước, được Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 555/QĐ-TTg ngày 05/5/2022 và Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/5/2022. Ban Quản lý KKT Dung Quát và các KCN Quảng Ngãi đã có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để đảm bảo việc thực hiện đầu tư dự án.

### ***2.5. Kết quả xây dựng và triển khai thực hiện chính sách nguồn nhân lực công nghiệp***

Để phát triển nguồn nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao, trong đó có nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện, cụ thể:

- Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 27/6/2023 về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh ban hành các kế hoạch về: Đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; truyền thông về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian qua, các cấp, các ngành đã chủ động triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách nêu trên, mang lại nhiều kết quả tích

cực. Công tác đào tạo nguồn nhân lực có những chuyển biến tích cực; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực không ngừng nâng lên; cơ cấu ngành, nghề đào tạo từng bước được điều chỉnh phù hợp với cơ cấu kinh tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo được tăng cường theo hướng chuẩn hóa, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tỉnh; quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước được sắp xếp phù hợp với thực tế của địa phương; chất lượng đào tạo và năng lực quản trị trường học của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý từng bước nâng lên; công tác phân luồng học sinh bước đầu đạt kết quả khả quan; giáo dục khởi nghiệp trong học đường có chuyển biến tích cực.

Công tác đào tạo nghề được thực hiện đa dạng, với nhiều hình thức, nội dung chương trình dạy nghề được đổi mới, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư trang thiết bị trong giảng dạy, gắn kết với nhu cầu doanh nghiệp, từ đó chất lượng đào tạo nghề được nâng lên, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động. Tính đến nay, toàn tỉnh có 17 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 05 trường cao đẳng, 05 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 07 đơn vị có tham gia vào giáo dục nghề nghiệp. Hơn 48.000 lao động được đào tạo nghề, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh từ 54,07% năm 2018 đạt 61,43% năm 2022; dự kiến ước đạt 62,95% năm 2023 (trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ 25,66%). Tỷ lệ học sinh sau đào tạo có việc làm đạt trên 80%, dạy nghề theo địa chỉ doanh nghiệp đạt 100%. Đặc biệt quy mô tuyển sinh các ngành nghề cơ khí, chế tạo, dệt may, da giày, điện - điện tử, bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí... tăng so với những năm trước.

## ***2.6. Kết quả triển khai thực hiện chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp***

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quan tâm, chú trọng. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách trong lĩnh vực khoa học công nghệ:

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2022 về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết: Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quy định mức chi thực hiện Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể: Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai

đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch thông qua việc tuyên truyền, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề hướng đến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với hơn 60 doanh nghiệp, nhà quản lý tham gia, góp phần thay đổi tư duy, nhận thức của nhà quản lý, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình mới, kết nối với một số doanh nghiệp có nhu cầu chuyển giao đổi mới công nghệ; hỗ trợ 12 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ, 70 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, 07 lượt doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng, 04 lượt doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, 16 lượt doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia và Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao; hỗ trợ cho hơn 210 cơ sở thông qua Chương trình thúc đẩy năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh sản phẩm hàng hoá; hỗ trợ cho 60 hồ sơ của 40 tổ chức, doanh nghiệp, thông qua Chương trình phát triển tài sản trí tuệ,... Qua đó, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp, góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## ***2.7. Kết quả xây dựng và triển khai thực hiện chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp tại địa phương***

### ***(1) Về lĩnh vực khoáng sản***

- Đã lãnh đạo, chỉ đạo phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đến nay, tỉnh đã thực hiện công bố danh sách các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (mỏ đất, đá và mỏ cát) trên địa bàn tỉnh để phục vụ thi công Dự án cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; tổ chức thành công đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với 14 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thực hiện cấp Giấy phép 165 Hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản; phê duyệt 74 hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

### ***(2) Về lĩnh vực tài nguyên nước***

- Xây dựng Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và đã tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Đã cấp phép tài nguyên nước 38 hồ sơ; phê duyệt 09 hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, sụt lún đất; bảo vệ nguồn nước; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái ngập nước quan trọng và phòng chống ngập úng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ: “Đầu tư hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; lập Danh mục nguồn nước nội tỉnh; Đầu tư Xây dựng công cụ tính toán hỗ trợ vận hành các hồ chứa theo Quyết định 911/QĐ-TTg ngày 25/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và đầu tư Trạm Khí tượng thủy văn.

- Triển khai thực hiện Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ Dự án “Tăng cường năng lực quy hoạch và điều tra nước ngầm tại các đô thị Việt Nam (IGPVN); Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn từ kết quả của nhiệm vụ “Khoan giếng phục vụ quan trắc, kiểm soát trữ lượng, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn”.

### *(3) Về thích ứng biến đổi khí hậu*

- Để triển khai thực hiện Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 02/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, UBND tỉnh đã kịp thời phê duyệt Danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; phê duyệt kết quả "Đánh giá khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi"; xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### *(4) Công tác bảo vệ môi trường*

- Đã kịp thời xây dựng quy định một số cơ chế hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân trong phạm vi bán kính 1.000m tính từ ranh giới Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ trở ra. Chỉ đạo quản lý chặt chẽ các nguồn ô nhiễm, trong đó có các nguồn ô nhiễm môi trường từ hoạt động phát triển công nghiệp.

- Tổ chức kiểm tra đột xuất công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất tại các Cụm công nghiệp của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Môi trường theo dõi, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, qua đó kịp thời chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị này, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát, quản lý các cơ sở sản xuất có phát sinh nguồn khí thải, nước thải lớn: hiện có 08 doanh nghiệp, với tổng số 27 trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục đã kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường và về Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Đây là một trong những biện pháp quản lý quan trọng giúp phát hiện kịp thời nguy cơ ô nhiễm môi trường, nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở sản xuất.

(5) *Về công tác quản lý chất thải*: Đã kịp phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

### **2.8. Kết quả kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước tại địa phương về công nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả**

- Ở cấp tỉnh: UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Sở Công Thương, BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi đã thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, phòng, ban đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đúng theo quy định, đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về công nghiệp tại địa phương.

- Ở cấp huyện: căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014; Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28/01/2022, số 15/2023/TT-BCT ngày 30/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã kịp thời ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng để thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp tại địa phương.

## **3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

### **3.1. Hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

- Chưa xây dựng được cụm liên kết ngành công nghiệp, ngành công nghiệp ưu tiên theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án có tính lan tỏa, tác động lớn đến phát triển công nghiệp của tỉnh; chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; tiến độ triển khai một số dự án đầu tư về công nghiệp còn chậm.

- Một số doanh nghiệp ngừng hoạt động, sản xuất bị đình trệ, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của tỉnh, trong đó có ngành công nghiệp. Một số

sản phẩm công nghiệp và sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của tỉnh tăng so với cùng kỳ nhưng còn đạt thấp so với kế hoạch.

- Hệ thống hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, chưa tạo động lực mạnh mẽ cho thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thiếu sự liên kết với nhau, theo đó năng suất lao động và năng lực cạnh tranh sản phẩm công nghiệp cũng thấp.

- Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như chính sách khoa học công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, khuyến công... còn hạn chế.

- Việc phát triển doanh nghiệp công nghiệp số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cho phát triển công nghiệp; chuyển đổi số tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế do nhận thức và nguồn lực còn hạn chế.

- Lao động công nghiệp chưa có sự chuyển biến rõ nét khi đa số vẫn là lao động phổ thông, có trình độ và tay nghề thấp; chưa có sự phối hợp chủ động và tích cực giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, nghiên cứu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thiếu các cơ sở đào tạo dạy nghề chất lượng cao.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển các công trình hạ tầng xã hội (nhà ở công nhân, cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, dịch vụ vui chơi, giải trí...) chưa hiệu quả.

- Quản lý đất đai, trật tự xây dựng còn nhiều bất cập, chưa hiệu quả dẫn đến công tác bồi thường, GPMB còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc làm mất cơ hội đầu tư đối với nhiều dự án.

### **3.2. Nguyên nhân**

- Một số nhiệm vụ xây dựng chính sách thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW chậm ban hành, cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã ban hành nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể của bộ, ngành nên khó triển khai thực hiện như: chính sách xây dựng thí điểm về cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị; chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp, tiêu chí và phương pháp đánh giá hoạt động của cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, suy giảm kinh tế toàn cầu; giá xăng dầu, nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào biến động mạnh; lạm phát và lãi suất vẫn duy trì ở mức cao khiến nhu cầu tiêu dùng tiếp tục giảm tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có khu vực châu Âu - châu Mỹ; xung đột

tại Ukraina tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực và rất khó đoán định khiến đầu tư giảm.

- Đa phần các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, tiềm lực tài chính còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước; ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn ít.

- Nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, duy tu bảo dưỡng hạ tầng khu, cụm công nghiệp còn hạn chế; chưa có giải pháp hữu hiệu trong huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng.

- Thủ tục đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân còn phức tạp, nhiều điều kiện ràng buộc: Đối tượng mua nhà, điều kiện mua nhà, định mức lợi nhuận, nguồn vốn, thời gian thu hồi vốn chậm... nên các nhà đầu tư chưa quan tâm; nguồn vốn cho vay còn hạn chế.

- Nhà nước chưa có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ về tín dụng, thuế,.. đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào việc phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân tại Khu công nghiệp.

- Chưa có chính sách đột phá, hữu hiệu để hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp ưu tiên.

- Luật Bảo vệ môi trường và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã ban hành nhưng chưa có văn bản hướng dẫn nên việc triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, như: công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và các lĩnh vực, ngành nghề không phải kiểm soát kim loại nặng; loại hình chế biến thủy sản...

- Việc đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp không theo kịp sự thay đổi công nghệ sản xuất tại các doanh nghiệp dẫn đến chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo. Lực lượng lao động làm việc tại các doanh nghiệp phần lớn là người địa phương, xuất thân từ sản xuất nông nghiệp nên chưa có tác phong công nghiệp, đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chưa có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp trên địa bàn.

### **III. Kiến nghị, đề xuất về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW**

#### **1. Kiến nghị Trung ương xem xét chỉ đạo**

- Sớm ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển công nghiệp như: Luật Công nghiệp; Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Đề án về liên kết ngành trong sản xuất công nghiệp và năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp, tiêu chí và phương pháp đánh giá hoạt động của cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; Nghị định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP...

- Xem xét có cơ chế: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm cho Khu kinh tế Dung Quất tương ứng mức 10% - 15% số thu trên địa bàn nộp về Ngân sách Trung ương để đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng; đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện giao thông từ cảng Dung Quất kết nối với các tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 24.

- Chính phủ xem xét, bổ sung chỉ tiêu đất công nghiệp cho tỉnh Quảng Ngãi để đủ điều kiện phát triển công nghiệp đến năm 2030.

- Tiếp tục nghiên cứu triển khai xây dựng “**Đề án lựa chọn một số khu kinh tế ven biển trọng điểm để tập trung hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương giai đoạn 2023 - 2025 và 2026 - 2030**”.

## **2. Kiến nghị các bộ, ngành**

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư, ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, dự án sử dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại, hỗ trợ tài chính đối với các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000, tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý ô nhiễm,... Xem xét xây dựng Luật Khu kinh tế, Khu công nghiệp vì hiện nay vai trò, vị thế của các KKT, KCN, còn bị hạn chế bởi có quá nhiều chông chéo giữa các quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với KKT, KCN. Trong khi đó, quy định về quản lý đối với KKT hiện nay chỉ dừng lại ở Nghị định nên sẽ khó áp dụng trong thực tiễn. Do đó, cần thiết phải ban hành luật dành riêng cho lĩnh vực này.

- Bộ Công Thương: Bố trí vốn đầu tư để thực hiện Dự án cấp điện nông thôn sử dụng vốn Chương trình “Chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam - EU” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, hỗ trợ các hộ dân các huyện miền núi sớm được sử dụng điện, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Kinh tế Trung ương.

### Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (báo cáo),
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ địa phương Ban Kinh tế Trung ương,
- BCSD UBND tỉnh,
- Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- VPTU: CVP, PCVP; P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đinh Thị Hồng Minh**